

SITUATION AND SOLUTIONS TO IMPROVE LEARNING NEW WORDS ABILITY FOR THE FIRST YEAR STUDENTS MAJORING IN CHINESE LANGUAGE AT BAC GIANG AGRICULTURE AND FORESTRY UNIVERSITY

Man Thi Thanh*, Nguyen Tien Trung

Bac Giang Agriculture and Forestry University

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	09/5/2025	Vocabulary acquisition plays a crucial role in foreign language learning in general and Chinese language learning in particular. However, many first-year students majoring in Chinese language at Bac Giang Agriculture and Forestry University still face significant difficulties in memorizing and effectively using new vocabulary. To investigate the current situation and propose appropriate solutions, this study employed methods such as document analysis, field surveys, and data analysis. The results revealed that students mainly struggle due to the lack of suitable learning methods, limited study time and frequency, and low learning motivation. Based on these findings, the research team proposed several recommendations to enhance students' vocabulary learning capacity, including strengthening instruction on effective learning methods, integrating vocabulary retention skills into the curriculum, and encouraging the application of technology in vocabulary learning. This study contributes to a more accurate assessment of the current situation and offers practical solutions to improve the effectiveness of Chinese vocabulary teaching and learning for first-year students at the university.
Revised:	29/7/2025	
Published:	31/7/2025	

KEYWORDS

Learning Chinese vocabulary
Teaching Chinese vocabulary
First-year students
Improve learning new words ability
Bac Giang Agriculture and Forestry University

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO NĂNG LỰC HỌC TỪ MỚI TIẾNG TRUNG CỦA SINH VIÊN NĂM THỨ NHẤT NGÀNH NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG

Mẫn Thị Thanh*, Nguyễn Tiên Trung

Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
Ngày nhận bài:	09/5/2025	Việc học từ mới đóng vai trò then chốt trong quá trình học ngoại ngữ nói chung và tiếng Trung Quốc nói riêng, tuy nhiên, nhiều sinh viên năm nhất ngành Ngôn ngữ Trung Quốc tại Trường Đại học Nông – Lâm Bắc Giang còn gặp nhiều khó khăn trong việc ghi nhớ và sử dụng từ vựng một cách trôi chảy. Nhằm tìm hiểu thực trạng và đề xuất giải pháp phù hợp, nghiên cứu đã sử dụng các phương pháp như thu thập và phân tích tài liệu, khảo sát thực tế, phân tích số liệu. Kết quả khảo sát cho thấy sinh viên gặp khó khăn chủ yếu do thiếu phương pháp học phù hợp, thời gian tần suất học tập còn ít, động lực học chưa cao. Từ kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả đưa ra các kiến nghị nhằm nâng cao năng lực học từ mới cho sinh viên như: tăng cường hướng dẫn phương pháp học hiệu quả, tích hợp kỹ năng ghi nhớ từ vào chương trình giảng dạy, và khuyến khích ứng dụng công nghệ trong học từ vựng. Nghiên cứu góp phần phản ánh chính xác thực trạng hiện tại, đồng thời đưa ra những giải pháp khả thi nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và tiếp thu từ mới tiếng Trung cho sinh viên năm thứ nhất tại trường.
Ngày hoàn thiện:	29/7/2025	
Ngày đăng:	31/7/2025	

TỪ KHÓA

Học từ vựng tiếng Trung
Dạy từ vựng tiếng Trung
Sinh viên năm nhất
Nâng cao khả năng học từ mới
Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.12763>

* Corresponding author. Email: thanhmt@bafu.edu.vn

1. Giới thiệu

Từ vựng là yếu tố then chốt trong quá trình học tiếng Trung, quyết định cả năng lực ngôn ngữ và khả năng giao tiếp. Nghiên cứu chỉ ra rằng, ngay cả khi mắc lỗi ngữ pháp, việc sử dụng đúng từ vựng vẫn giúp người nghe hiểu được thông điệp [1]. Tuy nhiên, với đặc thù chữ tượng hình và số lượng từ vựng khổng lồ, việc ghi nhớ từ mới tiếng Trung trở thành một thách thức lớn, đặc biệt đối với sinh viên (SV) Việt Nam – những người có ngôn ngữ mẹ đẻ sử dụng hệ chữ Latinh [2]. Nghiên cứu thực tế cho thấy sinh viên năm nhất thường gặp khó khăn trong việc ghi nhớ từ vựng, dẫn đến tình trạng “học trước quên sau” [3], không chỉ ảnh hưởng đến kết quả học tập tức thời mà còn tác động lâu dài đến các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết [4]. Dù vậy, nhiều sinh viên vẫn loay hoay chưa chọn lựa được phương pháp học từ vựng phù hợp, khiến hiệu quả học tập không cao, đồng thời tạo ra tâm lý áp lực, chán nản và ngại học [5].

Các nghiên cứu gần đây đề xuất nhiều phương pháp học từ vựng, trong đó sử dụng flashcards được chứng minh giúp cải thiện khả năng ghi nhớ từ vựng tiếng Trung [6], trong khi chú thích đa phương tiện (multimedia annotations) có thể nâng cao mức độ tiếp thu lên đến 30% [7]. Các chiến lược siêu nhận thức như lập kế hoạch và tự đánh giá cũng đóng vai trò quan trọng [8]. Trong bối cảnh chuyển đổi số, kỹ thuật lặp lại ngắt quãng (spaced repetition) được xem là một công cụ học tập hữu ích [9].

Từ nhận thức đó, nghiên cứu này được thực hiện nhằm khảo sát thực trạng học từ vựng tiếng Trung của sinh viên năm nhất ngành Ngôn ngữ Trung Quốc tại Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang, qua đó đề xuất các biện pháp hỗ trợ phù hợp, góp phần xây dựng nền tảng từ vựng vững chắc ngay từ giai đoạn đầu của quá trình học tập.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp quan sát, thu thập và phân tích tài liệu lý thuyết từ các nguồn văn bản, tài liệu liên quan đến từ vựng tiếng Trung Quốc và phương pháp học từ mới, nhằm xây dựng cơ sở lý luận cho nghiên cứu. Tiếp theo, sử dụng phương pháp điều tra xã hội học được áp dụng thông qua việc thiết kế bảng hỏi trực tuyến dành cho đối tượng nghiên cứu là sinh viên năm nhất của trường, dữ liệu thu thập từ khảo sát sau đó được tổng hợp và phân tích để đưa ra kết quả nghiên cứu.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Cơ sở lý luận của nghiên cứu

3.1.1. Khái niệm từ mới

Từ mới (生词) trong từ điển Hán Việt hiện đại giải thích là: “指学习或使用中不熟悉的词汇; 指在某一特定语境或领域内不常见的词语” (tạm dịch: chỉ từ vựng không quen thuộc trong học tập hoặc sử dụng; chỉ từ ngữ không thường gặp trong một ngữ cảnh hoặc lĩnh vực nào đó). Trong các bài học của các giáo trình Hán ngữ, phần từ mới (生词) thường xuất hiện sau phần bài khóa, để liệt kê các từ ngữ kèm phiên âm, từ loại, nghĩa tiếng Việt... mà người học chưa học và cần phải học để hiểu được nội dung của bài [10].

3.1.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực học từ ngữ mới

Mục tiêu học tập

Theo lý thuyết Goal-Setting Theory, các mục tiêu rõ ràng và thách thức sẽ thúc đẩy hiệu suất học tập, tạo động lực và định hướng cho quá trình học. Việc đặt ra các mục tiêu cụ thể và rõ ràng giúp người học tập trung và có động lực trong suốt quá trình học [11].

Hứng thú và đam mê học tập

Sự hứng thú và đam mê học tập có tác động mạnh mẽ đến khả năng học từ ngữ. Khi người học cảm thấy hứng thú với chủ đề hoặc lĩnh vực học, họ sẽ có sự tập trung cao hơn và dễ dàng

ghi nhớ các từ ngữ liên quan đến chủ đề đó. Việc học từ vựng trở nên hiệu quả hơn khi người học có sự hứng thú với nội dung từ vựng, ví dụ như từ vựng về một chủ đề yêu thích [4].

Chọn phương pháp học

Lựa chọn phương pháp học phù hợp với phong cách học tập cá nhân là yếu tố then chốt giúp SV tối ưu hóa quá trình học. Harmer [12] đã nhấn mạnh vai trò của việc kết hợp nhiều phương pháp học như học qua ngữ cảnh, lặp lại và tái sử dụng, hình ảnh, âm thanh, sử dụng trò chơi và các hoạt động tương tác... để tăng cường khả năng ghi nhớ.

Khả năng ghi nhớ, trí tưởng tượng

Khả năng nhớ và liên tưởng cũng rất quan trọng do hệ thống chữ Hán bao gồm các loại chữ tượng hình, chỉ sự vật, hội ý, hình thanh và giả thanh. Khả năng ghi nhớ của mỗi người học khác nhau và việc áp dụng các kỹ thuật ghi nhớ có thể giúp cải thiện khả năng này. Lặp lại cách quãng (spaced repetition) và kỹ thuật liên tưởng đã được Ebbinghaus chứng minh có tác dụng trong việc tăng cường trí nhớ dài hạn. Những kỹ thuật này giúp SV củng cố từ mới thông qua việc lặp lại chúng trong khoảng thời gian được tính toán hợp lý, giảm sự quên, duy trì thông tin lâu dài và tạo điều kiện cho việc học trở nên dễ dàng và nhẹ nhàng hơn [13].

Phương pháp giảng dạy của giảng viên

Phương pháp giảng dạy của giảng viên có tác động rất lớn đến khả năng tiếp thu từ ngữ của SV. Nunan [14] đã chỉ ra việc áp dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại như Task-Based Language Teaching (TBLT - dạy ngôn ngữ qua các nhiệm vụ cụ thể) hoặc Communicative Language Teaching (CLT - dạy ngôn ngữ thông qua giao tiếp) có thể giúp SV tiếp thu từ mới một cách chủ động hơn. Những phương pháp này khuyến khích sự tham gia tích cực của SV, giúp họ thực hành và sử dụng từ mới trong ngữ cảnh thực tế.

Môi trường học tập

Theo lý thuyết Social Cognitive Theory (lý thuyết nhận thức xã hội), môi trường tích cực có thể tăng cường động lực học tập và giúp người học tiếp thu kiến thức nhanh hơn [15]. Một môi trường học tập tốt không chỉ bao gồm lớp học với trang thiết bị hiện đại, mà còn là môi trường học tập có tính tương tác cao giữa giảng viên và SV, cũng như giữa các SV với nhau. Môi trường học tập ngoài lớp học như các câu lạc bộ, hoạt động ngoại khóa, và giao lưu với người bản ngữ cũng giúp SV áp dụng từ mới vào các tình huống thực tế, qua đó cải thiện khả năng ghi nhớ và sử dụng từ mới.

Sự hỗ trợ từ tài liệu đa phương tiện và công nghệ

Tài liệu học tập đa phương tiện và các công cụ công nghệ hỗ trợ đóng vai trò quan trọng trong việc học từ mới. Việc sử dụng tài liệu học tập phù hợp với trình độ của người học, cùng với việc áp dụng công nghệ như Quizlet, Duolingo, Anki... có thể giúp SV tiếp thu từ mới một cách dễ dàng hơn. Các công cụ công nghệ này cung cấp hệ thống bài tập lặp lại có giãn cách (spaced repetition), góp phần củng cố trí nhớ dài hạn và hạn chế tình trạng quên lãng theo thời gian [7].

Thời gian và cường độ học tập

Thời gian và cường độ học tập cũng là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng tới việc học [9], việc phân bổ thời gian học tập một cách hợp lý, cùng với việc duy trì cường độ học tập liên tục và có kế hoạch, sẽ giúp SV nắm vững từ mới hơn. Theo đó, những SV có thời gian học thường xuyên sẽ dễ dàng hơn trong việc ghi nhớ và vận dụng vào thực tế.

3.1.3. Phương pháp nâng cao kỹ năng học từ mới tiếng Trung

Kích thích hứng thú học tập và khơi dậy, thiết lập động cơ học tập bên trong của SV

Hứng thú là cách để SV chủ động tìm tòi, tiếp thu kiến thức và tích cực tham gia vào các hoạt động trong học tập. Động cơ học ngoại ngữ là mong muốn và động lực thúc đẩy người học ngoại ngữ. Động cơ học tập trực tiếp điều tiết sự hăng hái học tập, khiến SV tự giác trong các hoạt động học tập, thể hiện trạng thái tinh thần nghiêm túc, chăm chú căng thẳng, năng động và kiên trì; khiến SV có ý thức học tập rõ ràng, tập trung cao trong quá trình học, đồng thời giúp SV thay đổi thái độ học tập và kích thích sự hăng hái học tập, từ đó SV thích thú học và kiên trì đối mặt vượt qua khó khăn trong học tập để đạt kết quả tốt [16].

Thông qua tình huống giao tiếp, trò chơi ngôn ngữ trong lớp học

Thông qua các tình huống giao tiếp, hoạt động trò chơi ngôn ngữ kết hợp vận động trong lớp học nói tiếng Trung, giảng viên thiết kế bài giảng kết hợp với đặc điểm của người học ngoại ngữ, thuận tiện cho SV kết hợp vừa thực hành, vừa vui chơi vừa học sử dụng ngôn ngữ. Phương pháp này không chỉ giúp củng cố kiến thức đã học mà còn nâng cao khả năng vận dụng ngôn ngữ linh hoạt, đồng thời góp phần tạo nên một không khí học tập sinh động, tích cực và gắn kết [10].

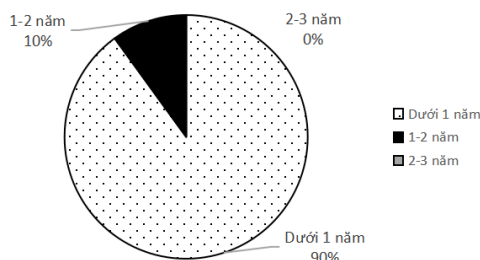
Trau dồi chiến lược học tiếng Trung của SV và hình thành khả năng học tập độc lập

Các chiến lược học tập rất đa dạng và việc áp dụng các chiến lược học tập cũng cần được đảm bảo thay đổi theo thời gian và từng sự kiện. Thông thường, SV ở các trình độ khác nhau bị hạn chế bởi nhiều yếu tố như nền tảng văn hóa, sở thích và kiến thức nên cần áp dụng các chiến lược học tập khác nhau. Phương pháp phù hợp với SV này chưa chắc mang lại kết quả tương tự cho SV khác, vì vậy, để trau dồi khả năng giao tiếp của SV trong quá trình dạy học tiếng Trung Quốc như một ngoại ngữ, giảng viên cần lồng ghép chặt chẽ các nội dung dạy học khác nhau theo đặc điểm nhận thức của từng đối tượng SV, đồng thời đưa ra chiến lược dạy học hợp lí, sao cho phù hợp với khả năng tiếp thu của SV [11].

3.2. Thực trạng học khẩu ngữ tiếng Trung của SV năm thứ nhất ngành Ngôn ngữ Trung Quốc tại Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang

Dựa trên cơ sở lý luận về các khái niệm, yếu tố và phương pháp dạy học ảnh hưởng đến quá trình học từ mới tiếng Trung ở trình độ sơ cấp, nhóm nghiên cứu đã tiến hành khảo sát 80 SV năm nhất chuyên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc tại Trường Đại học Nông – Lâm Bắc Giang. Trong quá trình phân tích dữ liệu thu được, nhóm nghiên cứu đã phân loại và sắp xếp thông tin theo các chủ đề cụ thể, phù hợp với mục tiêu nghiên cứu. Kết quả phân tích được như sau:

3.2.1. Khảo sát chung về tình hình người học đối với việc học từ mới



Hình 1. Biểu đồ thể hiện thời gian SV bắt đầu học tiếng Trung

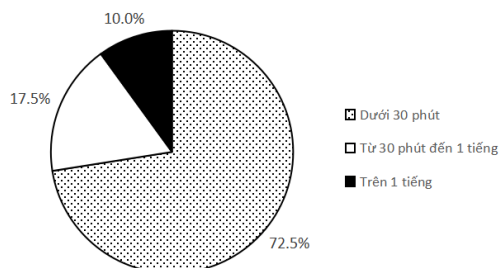
Theo kết quả khảo sát tại Hình 1 cho thấy, 90% SV năm nhất chuyên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc tại Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang chỉ mới bắt đầu học tiếng Trung dưới 1 năm, phản ánh họ đang trong giai đoạn làm quen với ngôn ngữ và đối mặt với nhiều thách thức về từ vựng và ngữ pháp. Có 10% SV đã học tiếng Trung từ 1-2 năm, có lợi thế hơn về thời gian và kinh nghiệm học tập, nhưng số lượng này không đáng kể. Không có SV nào có thời gian học trên 2 năm, cho thấy tất cả đều ở trình độ sơ cấp. Thực trạng này nhấn mạnh nhu cầu cấp thiết về các phương pháp học tập cơ bản nhưng hiệu quả, giúp SV nhanh chóng nắm vững từ mới và xây dựng nền tảng vững chắc cho các giai đoạn tiếp theo.

Nhóm khảo sát tiếp tục điều tra về thời gian, tần suất học từ mới và mức độ ôn tập từ mới của các bạn SV. Kết quả cho thấy:

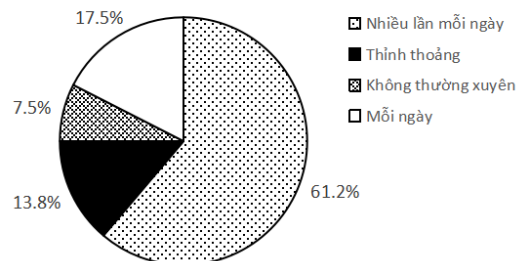
Về thời gian và tần suất mà SV thường dành để học từ mới tiếng Trung mỗi ngày:

Qua khảo sát thời gian SV thường dành để học từ mới tiếng Trung mỗi ngày tại Hình 2 cho thấy, có 72,5% SV chỉ dành dưới 30 phút mỗi ngày để học từ mới tiếng Trung, thời gian học ngắn này có thể không đủ để ghi nhớ và nắm vững từ mới một cách vững chắc. Có 17,5% SV dành từ 30 phút đến 1 giờ mỗi ngày, một khoảng thời lượng hợp lý hơn cho việc tiếp thu và ôn

luyện. Chỉ 10% SV dành hơn 1 giờ mỗi ngày để học từ mới, thể hiện sự đầu tư thời gian cao nhất và khả năng ghi nhớ từ vựng tốt nhờ luyện tập kỹ lưỡng. Phần lớn SV cần tăng thời gian học từ mới lên ít nhất từ 30 phút đến 1 giờ mỗi ngày. Kết hợp với các phương pháp học tập hiệu quả như học qua ngữ cảnh, hình ảnh và âm thanh sẽ giúp họ củng cố vốn từ và áp dụng tốt hơn trong giao tiếp.



Hình 2. Biểu đồ thể hiện thời gian SV dành để học từ mới mỗi ngày

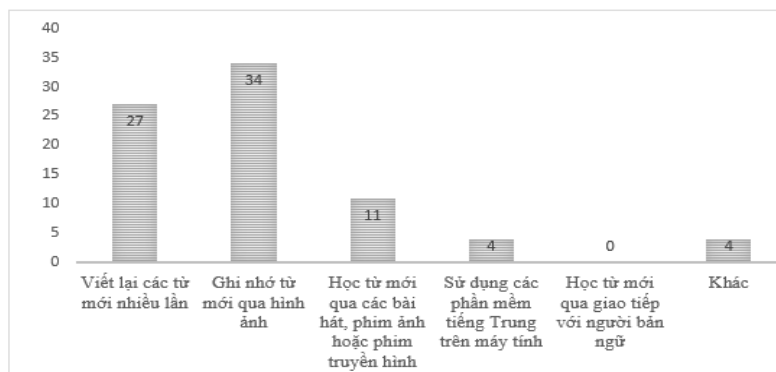


Hình 3. Biểu đồ thể hiện tần suất học từ mới tiếng Trung của sinh viên

Về tần suất học từ mới tiếng Trung của SV: Theo khảo sát tại Hình 3, 61,2% SV học từ mới nhiều lần mỗi ngày, thể hiện ý thức học tập tích cực và khả năng ghi nhớ tương đối tốt. Có 17,5% SV học từ mới mỗi ngày, duy trì thói quen ổn định. Tuy nhiên, 13,8% SV chỉ học thỉnh thoảng và 7,5% SV không thường xuyên học từ mới, điều này có thể khiến việc ghi nhớ và ứng dụng từ vựng vào thực tế trở nên hạn chế.

Nhóm học không đều đặn nên thiết lập thói quen học tập hàng ngày, ít nhất một lần mỗi ngày. Đồng thời, cần duy trì tần suất này và kết hợp các phương pháp học tập đa dạng nhằm tăng cường khả năng ghi nhớ và sử dụng linh hoạt. Việc học nhiều lần mỗi ngày không chỉ giúp ghi nhớ từ nhanh hơn mà còn tạo thói quen học tập tích cực.

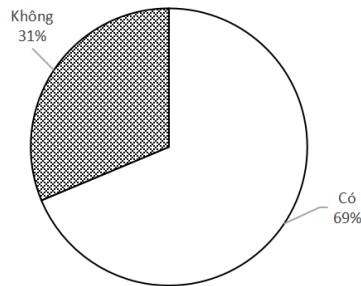
Khi được hỏi: “Bạn thường sử dụng phương pháp học từ mới nào?” nhóm tác giả thu được kết quả khảo sát như sau:



Hình 4. Biểu đồ thể hiện phương pháp học từ mới của SV

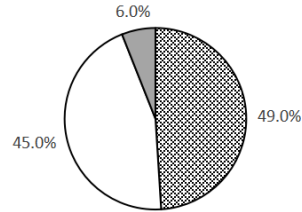
Kết quả khảo sát tại Hình 4 cho thấy, phương pháp ghi nhớ từ mới qua hình ảnh được ưa chuộng nhất, với 34 SV lựa chọn. Phương pháp này giúp ghi nhớ từ mới mang lại tính trực quan cao, đặc biệt phù hợp với những người có thiên hướng học qua thị giác. Phương pháp viết lại từ mới nhiều lần được 27 SV áp dụng, tuy có thể củng cố trí nhớ nhờ tính lặp lại nhưng dễ gây nhàm chán nếu không kết hợp với cách học khác. Có 11 SV chọn học qua bài hát, phim ảnh và chương trình truyền hình, giúp cải thiện kỹ năng nghe và phát âm thông qua ngữ cảnh cụ thể. Tuy nhiên, chỉ 4 SV sử dụng phần mềm học tập, cho thấy công cụ hiện đại chưa phổ biến rộng rãi dù chúng có thể tăng hứng thú học tập. Không có SV nào chọn học qua giao tiếp với người bản ngữ, có thể do hạn chế về môi trường hoặc cơ hội tiếp xúc.

3.2.2. Đánh giá của SV về phương pháp học từ mới tiếng Trung



Hình 5. Biểu đồ thể hiện mức độ hiệu quả của phương pháp học từ mới tiếng Trung của SV

- Có, tôi cảm thấy hiệu quả học tập không cao khi chỉ học thuộc lòng
- Có, tôi cảm thấy rất khó để ghi nhớ các từ mới khi chỉ học thuộc lòng
- Không, tôi cảm thấy việc học thuộc lòng là một cách học tập hiệu quả



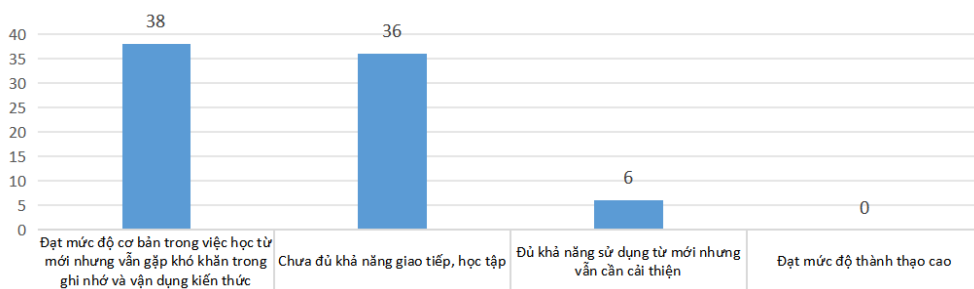
Hình 6. Biểu đồ thể hiện SV cảm thấy việc học từ mới tiếng Trung bằng cách học thuộc lòng không hiệu quả và khó nhớ lâu dài

Theo khảo sát tại Hình 5, 69% SV đánh giá phương pháp học từ mới tiếng Trung của họ là hiệu quả, cho thấy phần lớn đã tìm được cách học phù hợp như học qua hình ảnh, viết lại từ, hoặc sử dụng ứng dụng hỗ trợ. Tuy nhiên, 31% SV cho rằng phương pháp hiện tại chưa mang lại hiệu quả, do áp dụng cách học chưa phù hợp hoặc thiếu sự kết hợp linh hoạt giữa các phương pháp. Điều này khẳng định đa số SV có khả năng tự điều chỉnh chiến lược học tập, nhưng vẫn cần hỗ trợ để nhóm gặp khó khăn cải thiện cách tiếp cận học tập.

Với câu hỏi: “Bạn có nhận thấy rằng việc học từ mới tiếng Trung bằng cách học thuộc lòng không hiệu quả và khó nhớ lâu dài không?”, kết quả khảo sát tại Hình 6 cho thấy có 45% SV cho rằng học thuộc lòng khiến họ khó ghi nhớ từ mới, và 49% SV đánh giá phương pháp này không giúp họ tiếp thu từ vựng một cách bền vững, do thiếu kết nối với ngữ cảnh và khả năng ứng dụng linh hoạt. Chỉ 6% SV nhận thấy học thuộc lòng hiệu quả, cho thấy đây là phương pháp ít được ưa chuộng.

Tổng cộng có 94% SV phản hồi tiêu cực về việc học thuộc lòng, nhấn mạnh sự cần thiết phải thay thế bằng các phương pháp học tập hiệu quả hơn như học qua hình ảnh, ngữ cảnh, hoặc hoạt động tương tác. Sau khảo sát này, nhóm nghiên cứu tiếp tục tìm hiểu đánh giá năng lực và khó khăn của SV trong việc học từ mới.

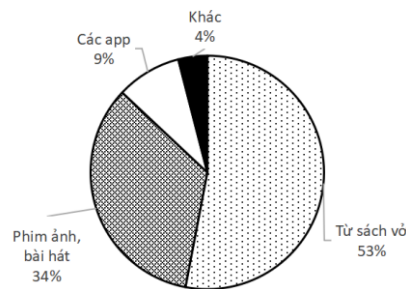
Khi được hỏi: “Bạn tự đánh giá mức độ vốn từ mới tiếng Trung của mình đạt được trong quá trình học tập như thế nào?” nhóm tác giả thu được kết quả khảo sát như sau:



Hình 7. Tự đánh giá mức độ vốn từ tiếng Trung của bản thân đạt được trong quá trình học tập

Kết quả khảo sát tại Hình 7 cho thấy, 38 SV đạt mức độ cơ bản trong việc học từ mới nhưng vẫn gặp khó khăn trong ghi nhớ và vận dụng kiến thức. Có 36 SV tự đánh giá chưa đủ khả năng giao tiếp và học tập, thể hiện sự thiếu tự tin và cần thay đổi phương pháp học tập cũng như tăng cường luyện tập. Chỉ có 6 SV cho rằng đã đủ khả năng sử dụng từ mới nhưng vẫn cần cải thiện thêm. Không có SV nào đạt mức độ thành thạo cao, cho thấy không ai cảm thấy hoàn toàn tự tin với vốn từ vựng. Phần lớn SV cần hỗ trợ cải thiện phương pháp học và tăng cường ôn luyện để nâng cao khả năng sử dụng tiếng Trung một cách linh hoạt và chính xác hơn. Tiếp theo, nhóm nghiên cứu sẽ khảo sát tài liệu và nguồn học tập SV đang sử dụng.

3.2.3. Đánh giá của SV về nguồn tài liệu học từ mới tiếng Trung



Hình 8. Nguồn tài liệu học tiếng Trung của SV

Khi được hỏi: “Nguồn tài liệu để học tiếng Trung của bạn như thế nào?”, kết quả khảo sát tại Hình 8 cho thấy, 53% SV sử dụng sách vở làm nguồn tài liệu chính, cho thấy đây vẫn là phương pháp học truyền thống phổ biến, cung cấp kiến thức có hệ thống và đáng tin cậy. 34% SV học từ các nguồn giải trí như phim ảnh và bài hát, phương pháp này không chỉ mang tính hấp dẫn mà còn giúp cải thiện khả năng nghe hiểu và ghi nhớ từ mới trong ngữ cảnh thực tế. 9% SV sử dụng các ứng dụng học tập, dù tỷ lệ còn thấp nhưng đây là công cụ học linh hoạt với nhiều tính năng tương tác và ôn tập từ vựng hiệu quả. 4% SV chọn các nguồn tài liệu khác, thể hiện sự tìm kiếm các phương pháp học tập sáng tạo phù hợp với cá nhân.

Sự kết hợp giữa sách vở và các nguồn giải trí cho thấy SV đang cân bằng giữa phương pháp học truyền thống và hiện đại. Tuy nhiên, việc sử dụng ứng dụng học tập còn hạn chế, cần được khuyến khích để tận dụng công nghệ hỗ trợ học tiếng Trung cách linh hoạt hơn.

3.3. Một số phương pháp nâng cao năng lực học từ mới tiếng Trung của SV năm thứ nhất Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang

Thông qua điều tra hiện trạng, phân tích khó khăn mà SV gặp phải trong quá trình học từ mới, nhóm nghiên cứu đưa ra một số phương pháp phù hợp với SV như sau:

3.3.1. Sử dụng công nghệ hỗ trợ học tập

Hiện nay, có nhiều ứng dụng di động hỗ trợ SV học từ mới tiếng Trung dễ dàng và sinh động, như Pleco, HelloChinese và Duolingo. Các ứng dụng này cung cấp bài học từ mới theo chủ đề, kết hợp tính năng nghe phát âm, hình ảnh minh họa và bài tập thực hành. Nhờ đó, SV có thể học mọi lúc, mọi nơi và ôn tập từ vựng thông qua phương pháp lặp lại gián cách, giúp cải thiện khả năng ghi nhớ lâu dài [9].

Flashcards điện tử là công cụ hữu ích để học từ mới, với các ứng dụng như Quizlet, Anki, Pleco, Memrise. Flashcards bao gồm từ mới, nghĩa, phiên âm và ví dụ minh họa, giúp SV không chỉ hiểu nghĩa mà còn biết cách sử dụng từ trong ngữ cảnh. Việc học lặp đi lặp lại qua flashcards giúp khắc sâu từ vựng trong trí nhớ dài hạn. Ngoài ra, nhóm nghiên cứu cũng thiết kế bài tập trên nền tảng Quizizz theo giáo trình trên lớp môn Thực hành tiếng, hỗ trợ SV ôn tập và kiểm tra từ mới một cách lồi cuốn, hấp dẫn và phù hợp với nội dung học trên lớp [6].

3.3.2. Phương pháp học qua ngữ cảnh

Việc học từ mới không chỉ đơn thuần là ghi nhớ các từ vựng rời rạc, mà quan trọng hơn là phải hiểu và biết cách sử dụng chúng trong các ngữ cảnh thực tế. SV có thể nâng cao vốn từ của mình thông qua việc đọc các bài báo, câu chuyện ngắn, hoặc những đoạn văn có chủ đề liên quan đến tiếng Trung, xem phim và nghe nhạc tiếng Trung [3].

3.3.3. Phương pháp lặp lại có khoảng cách

Phương pháp lặp lại có khoảng cách (Spaced Repetition) là một kỹ thuật học tập đã được chứng minh có tính ứng dụng cao, đặc biệt hữu ích trong việc học từ vựng tiếng Trung. Phương pháp

pháp này dựa trên nguyên lý rằng việc ôn tập từ ngữ ở các khoảng thời gian ngày càng kéo dài sẽ giúp củng cố trí nhớ dài hạn và hạn chế sự quên lãng. Dùng phương pháp lặp lại có khoảng cách (spaced repetition) trong việc học từ vựng tiếng Trung, giúp người học nhớ từ vựng lâu dài và giảm thiểu việc quên từ theo thời gian, giúp người học duy trì động lực trong quá trình học tiếng Trung. Ví dụ: Sau khi học từ mới, bạn sẽ ôn lại từ đó sau 1 ngày, 3 ngày, 7 ngày, 14 ngày, và cứ thế tăng dần thời gian lặp lại.

3.3.4. Học từ mới qua giao tiếp và thực hành

Học từ mới qua giao tiếp: Giao tiếp thường xuyên bằng tiếng Trung là một trong những phương pháp tiếp cận từ vựng mang lại nhiều lợi ích rõ rệt. Tham gia các câu lạc bộ tiếng Trung, thảo luận nhóm hoặc trò chuyện với bạn bè bằng tiếng Trung giúp SV có cơ hội sử dụng từ mới trong các tình huống giao tiếp thực tế. Điều này không chỉ giúp cải thiện khả năng phản xạ ngôn ngữ mà còn giúp SV ghi nhớ từ mới lâu hơn.

Thực hành qua bài tập viết: Việc viết nhật ký hàng ngày hoặc bài viết ngắn bằng tiếng Trung giúp SV vận dụng từ mới vào thực tế. Khi viết, SV không chỉ học cách sử dụng từ mới mà còn rèn luyện khả năng ngữ pháp và tổ chức câu. Bài tập viết giúp củng cố khả năng ghi nhớ từ và sử dụng ngôn ngữ một cách thành thạo hơn. Tương tự, thực hành qua bài tập nghe, đọc cũng giúp việc học từ mới trở nên thú vị và đỡ nhàm chán.

3.3.5. SV rèn luyện kỹ năng tự học, tự đánh giá

Để rèn luyện thói quen tự học, SV cần thiết lập cho mình một thời gian biểu học tập khoa học và hợp lý. Việc học từ mới hàng ngày, ngay cả khi chỉ trong 15-30 phút, giúp cải thiện khả năng ghi nhớ và củng cố kiến thức một cách ổn định. SV có thể chia nhỏ thời gian học trong ngày, tập trung vào một lượng từ mới nhất định và ôn tập lại những từ đã học. Việc học đều đặn và lặp lại theo chu kỳ sẽ giúp từ mới trở nên quen thuộc và dễ nhớ hơn [8].

Việc thiết lập mục tiêu học tập cụ thể hàng ngày, hàng tuần hoặc hàng tháng là một trong những cách hiệu quả để tạo động lực và kiểm soát tiến trình học tập của SV. Ví dụ, SV có thể đặt mục tiêu học 10 từ mới mỗi ngày và ôn lại các từ đã học vào cuối tuần. Việc thiết lập mục tiêu cụ thể giúp SV tập trung vào việc học và đạt được kết quả mong muốn trong thời gian ngắn.

3.3.6. SV tích cực tham gia các hoạt động học tập

SV có thể tham gia câu lạc bộ tiếng Trung tại trường hoặc trên các nền tảng trực tuyến để có thêm cơ hội thực hành từ mới trong môi trường giao tiếp thực tế. Tại đây, SV có thể trao đổi từ mới, thực hành hội thoại và học hỏi kinh nghiệm từ những SV khác.

SV cũng nên được khuyến khích tham gia vào các sự kiện liên quan đến tiếng Trung như hội thảo, cuộc thi ngôn ngữ, hoặc các buổi giao lưu văn hóa với SV nước ngoài. Đây là cơ hội để SV tiếp xúc với ngôn ngữ trong ngữ cảnh sống động, từ đó học được cách sử dụng từ mới một cách linh hoạt hơn.

4. Kết luận

Qua khảo sát thực trạng, nghiên cứu chỉ ra những nguyên nhân chủ yếu ảnh hưởng đến việc học từ mới tiếng Trung của sinh viên năm nhất Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang. Thứ nhất, đa phần sinh viên gặp khó khăn trong việc ghi nhớ và vận dụng từ vựng do chưa làm quen với đặc thù của chữ Hán (tượng hình, chỉ sự, hội ý, hình thanh...) và cấu trúc ngữ pháp phức tạp. Thứ hai, sự chênh lệch trình độ đầu vào khiến việc tiếp thu không đồng đều: 90% sinh viên mới học dưới 1 năm, trong khi 10% đã có 1-2 năm học tập. Thứ ba, thời lượng học từ vựng chưa đủ: 72,5% sinh viên chỉ dành dưới 30 phút/ngày, 7,5% học không thường xuyên, dẫn đến hiệu quả hạn chế. Cuối cùng, phương pháp học chưa hiệu quả khi 31% SV cho rằng phương pháp học chưa mang lại hiệu quả, do áp dụng cách học chưa phù hợp hoặc thiếu sự kết hợp linh hoạt giữa các phương pháp.

Để khắc phục những hạn chế trên, nhóm nghiên cứu đề xuất các giải pháp cụ thể: (1) Ứng dụng công nghệ (app học từ vựng, flashcard điện tử); (2) Học từ mới thông qua ngữ cảnh giao tiếp thực tế; (3) Áp dụng phương pháp lặp lại ngắt quãng (spaced repetition) để tăng khả năng ghi nhớ; (4) Tích cực tham gia câu lạc bộ tiếng Trung để rèn luyện phản xạ. Những giải pháp này không chỉ giúp giảng viên điều chỉnh phương pháp giảng dạy mà còn tạo thói quen học tập chủ động cho sinh viên. Kết quả nghiên cứu kỳ vọng có thể giúp sinh viên nâng cao hiệu quả tiếp thu từ vựng, xây dựng nền tảng vững chắc để sử dụng tiếng Trung lưu loát trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] B. Q. Do, "Communication competence and developing communication competence in foreign language teaching," (in Vietnamese), *Journal of Science, Vietnam National University*, vol. 21, pp. 10-18, 2005.
- [2] H. V. Luu, "Chinese language learning strategies of Chinese major students in Vietnam," (in Vietnamese), In *National Scientific Conference (UNC): Research and Teaching of Foreign Languages, Linguistics and International Studies in Vietnam*. Vietnam National University Press, 2020, pp. 687-695.
- [3] H. V. Luu, "Chinese vocabulary learning strategies of Vietnamese students: A case study of students at Ho Chi Minh City University of Foreign Languages and Information Technology," (in Vietnamese), *Vietnam Journal of Social Sciences & Humanities*, vol. 9, no. 6, 2023, doi: 10.33100/tckhxhvnv9.6.LuuHonVu.
- [4] A. B. Schiefele, "The role of interest in learning vocabulary," *Learning and Instruction*, vol. 22, no. 5, pp. 299-303, 2012, doi: 10.1016/j.learninstruc.2012.04.001.
- [5] N. T. Hoang *et al.*, "Self-learning methods for Chinese vocabulary acquisition," (in Vietnamese), In *Proceedings of the Conference on Enhancing Student Learning Capacity in the Context of Current Digital Transformation*, 2022, p. 4.
- [6] X. Zhao, "The effectiveness of flashcard-based vocabulary learning for L2 learners: A systematic review," (in Chinese), *Language Learning & Technology*, vol. 24, no. 2, pp. 16-48, 2020, doi: 10125/44719.
- [7] Z. Wang and H. Zhang, "The impact of multimedia annotations on Chinese vocabulary acquisition," (in Chinese), *Computer Assisted Language Learning*, vol. 34, no. 3, pp. 271-290, 2021, doi: 10.1080/09588221.2019.1652909.
- [8] J. Zhao and Y. Liu, "The role of metacognitive strategies in Chinese vocabulary learning," (in Chinese), *Journal of Language Teaching and Research*, vol. 12, no. 4, pp. 601-610, 2021, doi: 10.17507/jltr.1204.01.
- [9] M. L. B. L. Dunlosky, "Improving students' learning with effective learning techniques: Promising directions from cognitive and educational psychology," *Psychological Science in the Public Interest*, vol. 14, no. 1, pp. 4-58, 2012.
- [10] S. X. Lü, *Modern Chinese Dictionary*, The Commercial Press, (in Chinese), 2019.
- [11] E. A. Locke and G. P. Latham, "New directions in goal-setting theory," *Current Directions in Psychological Science*, vol. 11, no. 5, pp. 265-268, 2002, doi: 10.1111/1467-8721.00196.
- [12] J. Harmer, *The practice of English language teaching*. Longman, 2007.
- [13] H. Ebbinghaus, *On memory*, Dumont (in German), 1885.
- [14] D. Nunan, *Second Language Teaching & Learning*. Heinle & Heinle, 1999.
- [15] A. Bandura, *Social foundations of thought and action: A social cognitive theory*. Prentice-Hall, 1986.
- [16] J. Zhang, "Learning Interest: A Review of Studies and Implications for Future Research Directions in Second Language Acquisition," *Teacher Education and Curriculum Studies*, vol. 7, no. 1, pp. 15-22, 2022, doi: 10.11648/j.tecs.20220701.13.